

Bản án số 138/2018/HNGĐ- ST
Ngày 30/11/2018
V/v: Ly hôn giữa anh L với chị
T.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Huân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Hà Bắc;
2. Ông Lê Ngọc Giới.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lự- Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Thành- Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang mở phiên tòa xét xử công khai vụ án thụ lý số 347/2018/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2018 về việc: Ly hôn giữa anh Lương Văn L chị Nguyễn Thị T theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 159/2018/QĐXX- ST ngày 23 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Lương Văn L, sinh năm 1976
Địa chỉ: Thôn A, xã P, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt).
2. *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1981
Địa chỉ: Thôn A, xã P, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, lời khai tiếp theo và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Lương Văn L trình bày: Năm 2016, anh kết hôn với chị Nguyễn Thị T trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bảo Sơn, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Sau đám cưới anh và chị T về chung sống cùng nhau ngay. Thời gian đầu vợ chồng sống hòa Tận, hạnh phúc, sau đó thường xảy ra cãi nhau. Nguyên nhân mâu Tẫn do vợ chồng không hiểu nhau, chị T sống không có trách nhiệm với gia đình anh. Đến ngày 09/8/2017, chị T đã bỏ về nhà mẹ đẻ chị ở. Từ đó anh và chị T sống ly thân, chấm dứt mọi quan hệ tình cảm cũng như kinh tế. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị T đã hết, không thể đoàn tụ gia đình được nữa, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị T.

Về con chung: Anh và chị T chưa có con chung.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung đối với tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, anh Lương Văn L vắng mặt.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho chị T, nhưng chị T không đến trụ sở Tòa án làm việc.

Đại diện viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho anh L được ly hôn với chị T. Về con chung, tài sản chung và nghĩa vụ chung đối với tài sản không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Lương Văn L và chị Bùi Thụ T, nhưng tại phiên tòa, chị T vắng mặt lần thứ hai, anh L có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Lương Văn L kết hôn với chị Nguyễn Thị T trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bảo Sơn, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang ngày 12/01/2016, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Ban đầu vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc, sau đó nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ không hiểu, thông cảm, chia sẻ với nhau những khác biệt trong cách sống. Anh L và chị T sống ly thân, chấm dứt mọi quan hệ tình cảm cũng như kinh tế đã lâu. Xét mâu thuẫn tình cảm vợ chồng giữa anh L và chị T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận cho anh L ly hôn với chị T.

[3]. Về con chung: Không đặt ra xem xét.

[4]. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung đối với tài sản: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[6]. Về án phí: Anh Lương Văn L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 24, khoản 1 Điều 25, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Lương Văn L được ly hôn với chị Nguyễn Thị T.

2. Về án phí: Anh Lương Văn L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, được trừ vào số tiền 300.000đ tiền tạm ứng án phí chị Lý đã nộp theo biên lai T số AA/2017/0003362 ngày 02

tháng 8 năm 2018, tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

3. *Về kháng cáo*: Báo cho đương sự có mặt biết, được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND cùng cấp;
- VKSND tỉnh;
- Chi cục THADS cùng cấp;
- UBND xã Bảo Sơn;
- Lưu hồ sơ, v/p.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Huân

Bản án số 138/2018/HNGĐ- ST
Ngày 30/11/2018
V/v: Ly hôn giữa anh L với chị
T.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Huân.

Các Hội thẩm nhân dân:

2. Ông Bùi Hà Bắc;

2. Ông Lê Ngọc Giới.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lự- Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành- Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang mở phiên tòa xét xử công khai vụ án thụ lý số 347/2018/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2018 về việc: Ly hôn giữa anh Lương Văn L chị Nguyễn Thị T theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 159/2018/QĐXX- ST ngày 23 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

2. *Nguyên đơn:* Anh Lương Văn L, sinh năm 1976

Địa chỉ: Thôn A, xã P, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1981

Địa chỉ: Thôn A, xã P, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, lời khai tiếp theo và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Lương Văn L trình bày: Năm 2016, anh kết hôn với chị Nguyễn Thị T trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bảo Sơn, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Sau đám cưới anh và chị T về chung sống cùng nhau ngay. Thời gian đầu vợ chồng sống hòa Tận, hạnh phúc, sau đó thường xảy ra cãi nhau. Nguyên nhân mâu Tẫn do vợ chồng không hiểu nhau, chị T sống không có trách nhiệm với gia đình anh. Đến ngày 09/8/2017, chị T đã bỏ về nhà mẹ đẻ chị ở. Từ đó anh và chị T sống ly thân, chấm dứt mọi quan hệ tình cảm cũng như kinh tế. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị T đã hết, không thể đoàn tụ gia đình được nữa, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị T.

Về con chung: Anh và chị T chưa có con chung.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung đối với tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, anh Lương Văn L vắng mặt.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho chị T, nhưng chị T không đến trụ sở Tòa án làm việc.

Đại diện viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho anh L được ly hôn với chị T. Về con chung, tài sản chung và nghĩa vụ chung đối với tài sản không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Lương Văn L và chị Bùi Thụ T, nhưng tại phiên tòa, chị T vắng mặt lần thứ hai, anh L có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Lương Văn L kết hôn với chị Nguyễn Thị T trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bảo Sơn, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang ngày 12/01/2016, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Ban đầu vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc, sau đó nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ không hiểu, thông cảm, chia sẻ với nhau những khác biệt trong cách sống. Anh L và chị T sống ly thân, chấm dứt mọi quan hệ tình cảm cũng như kinh tế đã lâu. Xét mâu thuẫn tình cảm vợ chồng giữa anh L và chị T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận cho anh L ly hôn với chị T.

[3]. Về con chung: Không đặt ra xem xét.

[4]. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung đối với tài sản: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[6]. Về án phí: Anh Lương Văn L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 24, khoản 1 Điều 25, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xét:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Lương Văn L được ly hôn với chị Nguyễn Thị T.

2. *Về án phí:* Anh Lương Văn L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, được trừ vào số tiền 300.000đ tiền tạm ứng án phí chị Lý đã nộp theo biên lai T số AA/2017/0003362 ngày 02 tháng 8 năm 2018, tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

3. *Về kháng cáo:* Báo cho đương sự có mặt biết, được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Huân